

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27/9/2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quốc Hương;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1990; (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ C, ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Lê Văn H1, sinh năm 1993; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn H1 chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Việc chung sống giữa bà và ông H1 là do hai người tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 27/8/2018. Thời gian đầu chung sống với nhau thì hạnh phúc, nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn: Hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không hợp nhau. Tình cảm vợ chồng của bà bị rạn nứt và không còn hàn gắn được nữa. Hiện tại, cuộc sống hai vợ chồng bà không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được,

đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, bà quyết định ly hôn với ông Lê Văn H1.

- Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Lê Văn H1 có 02 con chung tên là Lê Thiên P, sinh ngày 25/10/2018 và Lê Minh Đ, sinh ngày 27/12/2020. Hiện tại, các con đang sống cùng bà H. Nếu được Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1, bà xin được quyền nuôi con chung Lê Thiên P và Lê Minh Đ và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con Lê Thiên P và Lê Minh Đ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Lê Văn H1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông H1 và bà H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1. Bị đơn ông H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, xét thấy ông H1 không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại, ông H1 và bà H không còn sống chung. Viện kiểm sát xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H1 và bà H đã trầm trọng, không còn hàn gắn được nữa, cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Lê Văn H1 có 02 con chung tên là Lê Thiên P, sinh ngày 25/10/2018 và Lê Minh Đ, sinh ngày 27/12/2020. Hiện tại, con chung đang sống cùng bà H và nguyên đơn xin được quyền nuôi con. Do cháu Thiên P và cháu Minh Đ còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thiên P và Lê Minh Đ cho bà Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà H không yêu cầu bị đơn ông H1 cấp dưỡng nuôi con Lê Thiên P và Lê Minh Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Dương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86 và 87 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; hiện bị đơn ông Lê Văn H1 đang cư trú tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Lê Văn H1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Lê Văn H1, nhưng ông H1 vắng mặt trong các buổi hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị H. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Phạm Thị H và bị đơn ông Lê Văn H1 chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, nên nguyên đơn bà Phạm Thị H xin ly hôn với bị đơn ông Lê Văn H1.

[4] Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P ngày 30 tháng 5 năm 2024 thì ông H1 và bà H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Nguyên nhân phát sinh của việc tranh chấp ly hôn giữa ông H1 và bà H thì chính quyền địa phương không nắm rõ, do đương sự giải quyết nội bộ, cũng không trình báo sự việc hay đề nghị chính quyền địa phương can thiệp giải quyết. Hiện tại, bà H và ông H1 đã sống ly thân.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông H1 và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Lê Văn H1 có 02 con chung tên là Lê Thiên P, sinh ngày 25/10/2018 và Lê Minh Đ, sinh ngày 27/12/2020.

[6.1] Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại, cháu Lê Thiên P và Lê Minh Đ đang được bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Cháu Thiên P và Minh Đ còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ và để không ảnh hưởng tâm sinh lý, sự phát triển bình thường về sau của trẻ nên Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thiên P và Lê Minh Đ cho bà Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Điều này cũng phù hợp với yêu cầu, điều kiện nuôi dưỡng con chung của bà H.

[6.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thiên P và Lê Minh Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 và 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đối với bị đơn ông Lê Văn H1 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Lê Văn H1.

3. Về con chung:

3.1. Giao con chung Lê Thiên P, sinh ngày 25/10/2018 và Lê Minh Đ, sinh ngày 27/12/2020 cho bà Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị H không yêu cầu ông Lê Văn H1 cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thiên P và Lê Minh Đ.

3.2. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3.3. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Phạm Thị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003174 ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Ân